CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng

Ngày 30/09/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**-0.9%**	**-8.7%**

DT thuần
Q3/25
2,041
tỷ VNĐ
QoQ: ▼931| -31.3%
YoY: ▼324| -13.7%

LN thuần
Q3/25
-14.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼283| -106%
YoY: ▼6.21| -71.7%

LN sau thuế
Q3/25
-15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼257| -106%
YoY: ▼5.85| -64.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-0.7%
YoY: +/-▼ 9.8%

ROE (TTM)
Q3/25
6.5%
YoY: +/-▼ 0.1%

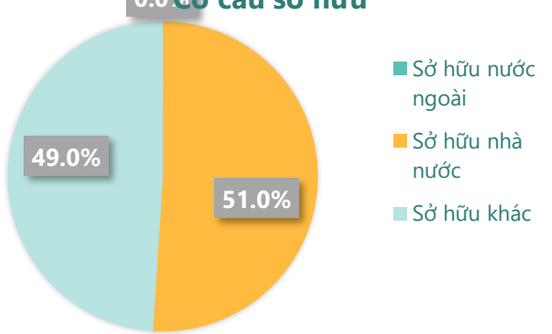
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,313 - 13,272
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,750
Số lượng CPLH (CP)	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,130
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.02
EPS	785
P/E	14.6

DT thuần
9T 2025
7,670
tỷ VNĐ
YoY: ▼935| -10.9%

LN thuần
9T 2025
438
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00| -1.4%

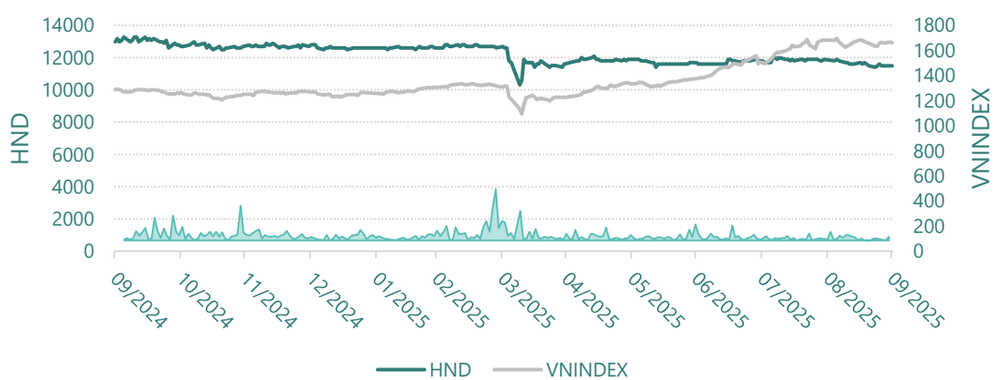
LN sau thuế
9T 2025
393
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.0| -6.9%

Cơ cấu sở hữu

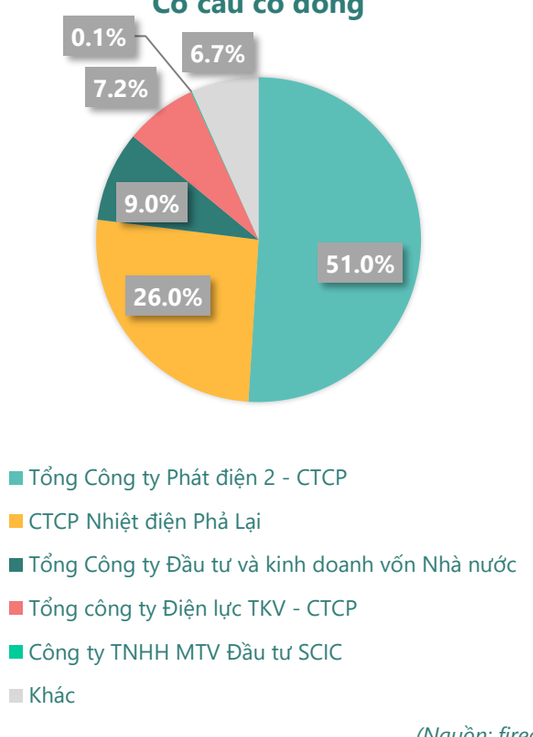


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



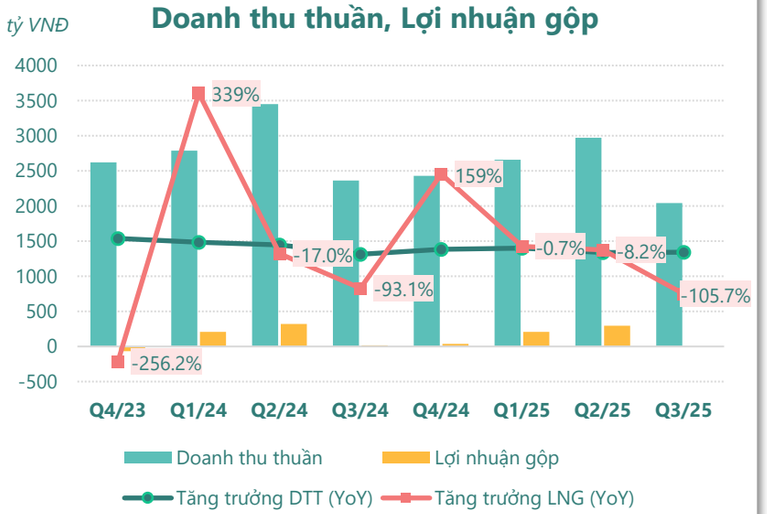
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

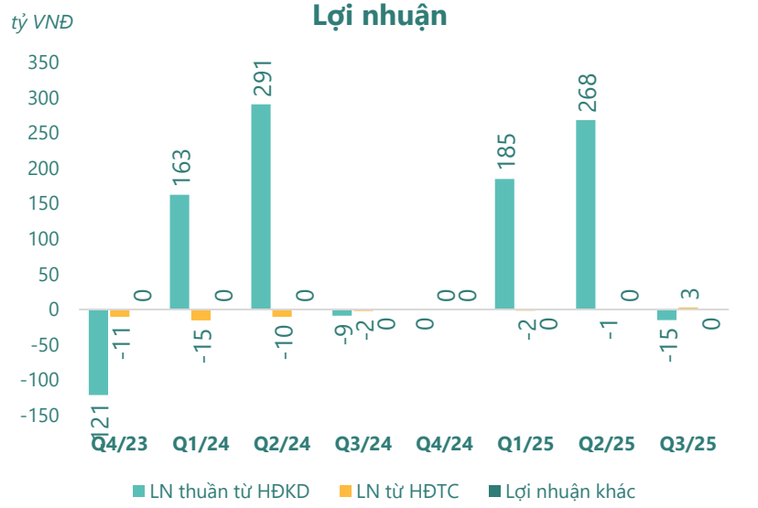
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



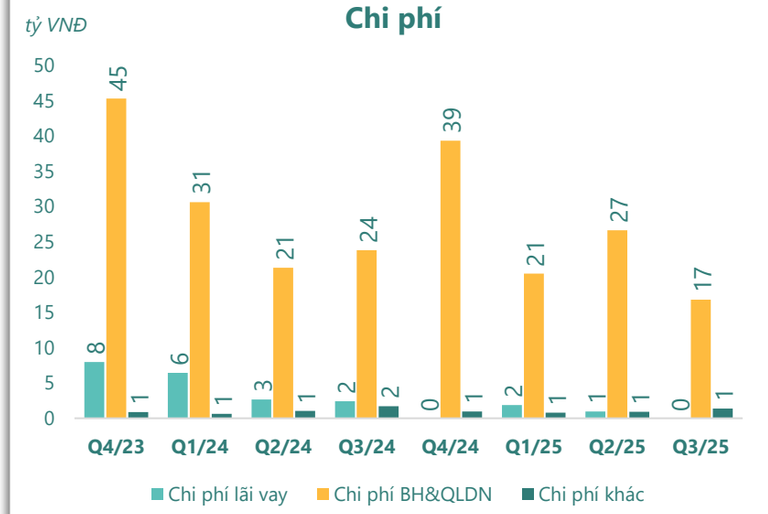
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



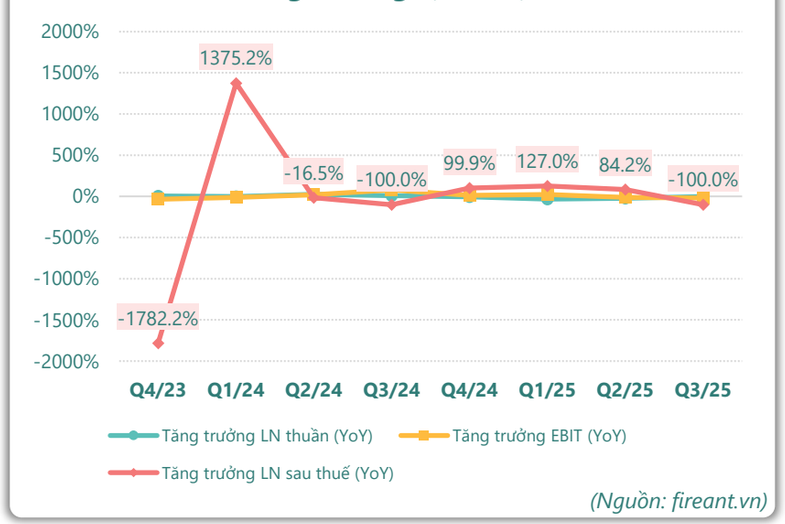
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



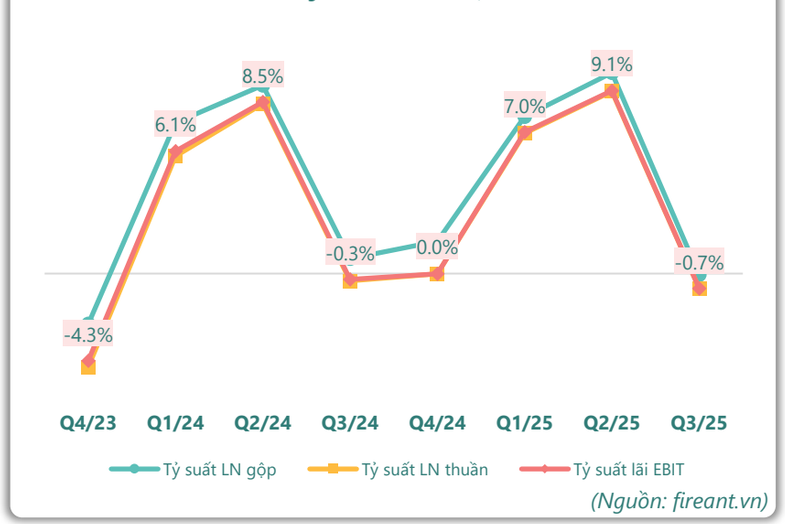
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

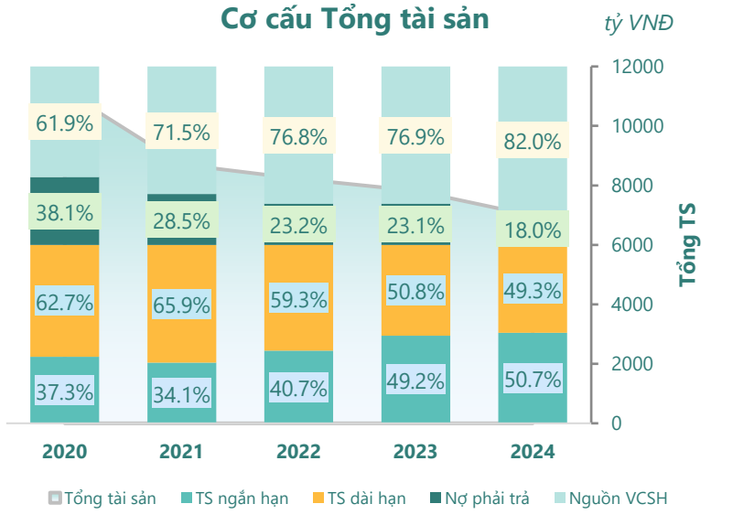
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

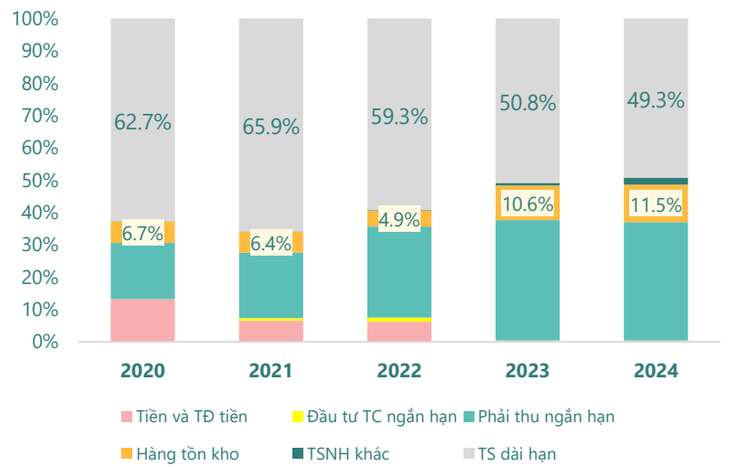
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



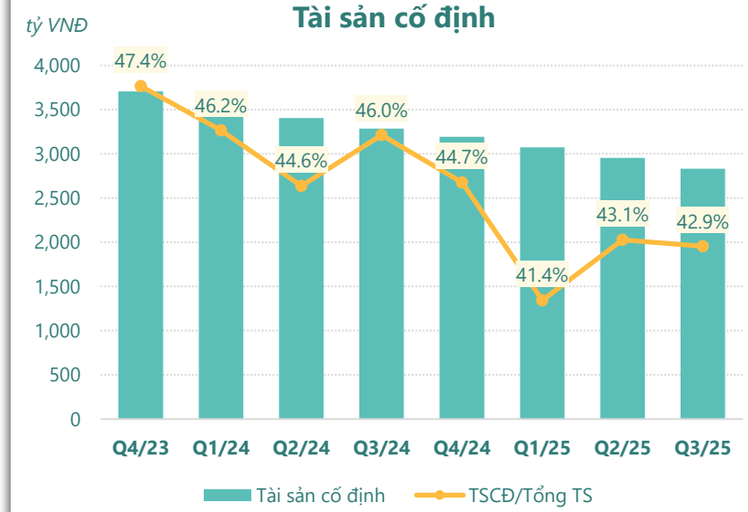
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



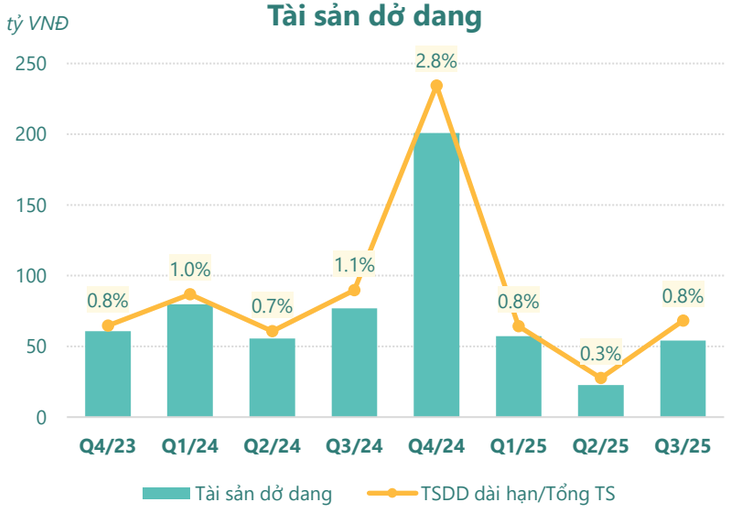
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



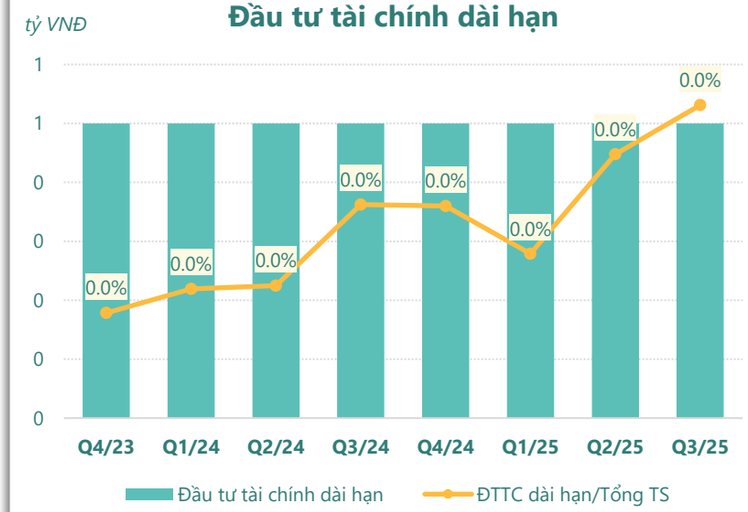
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



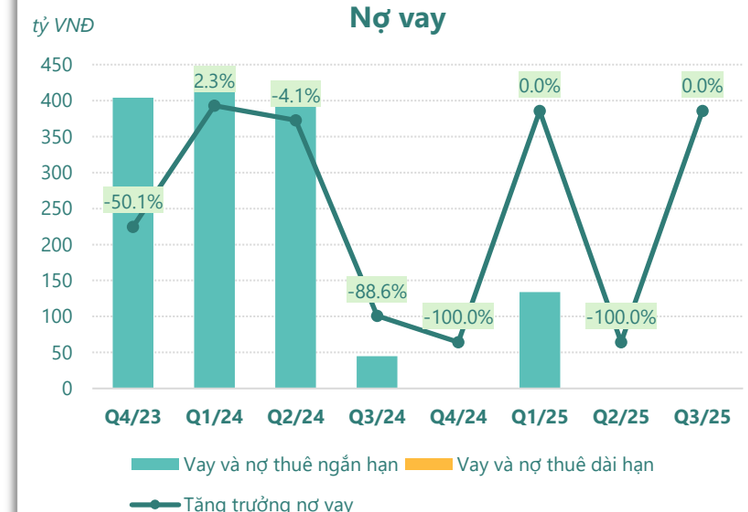
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

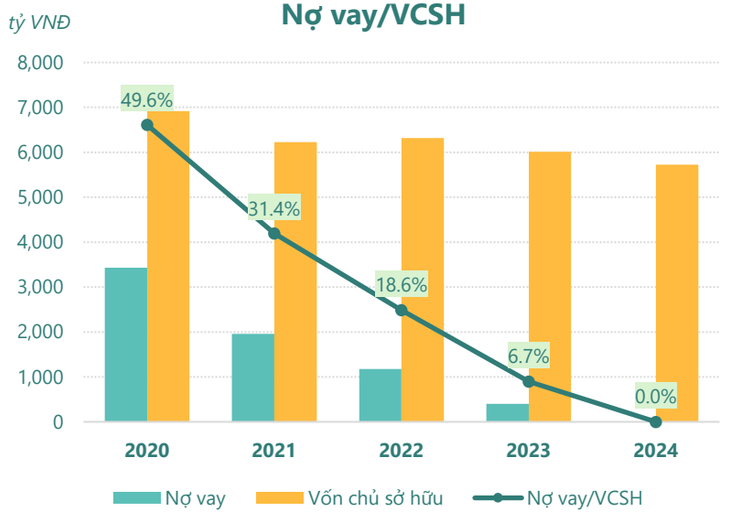
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

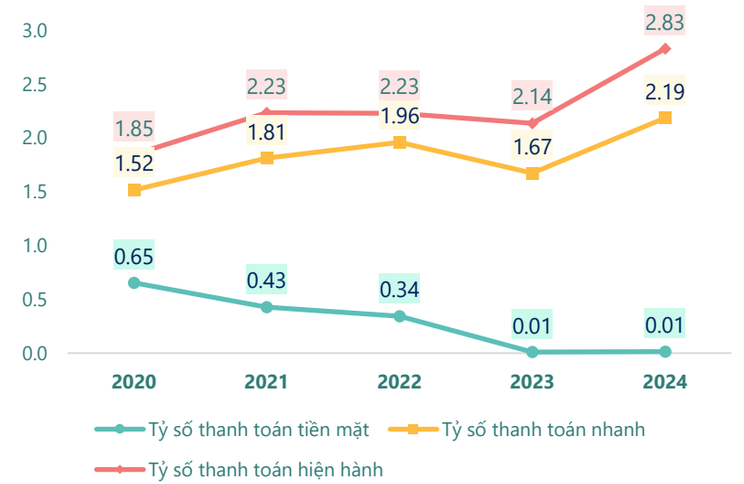
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



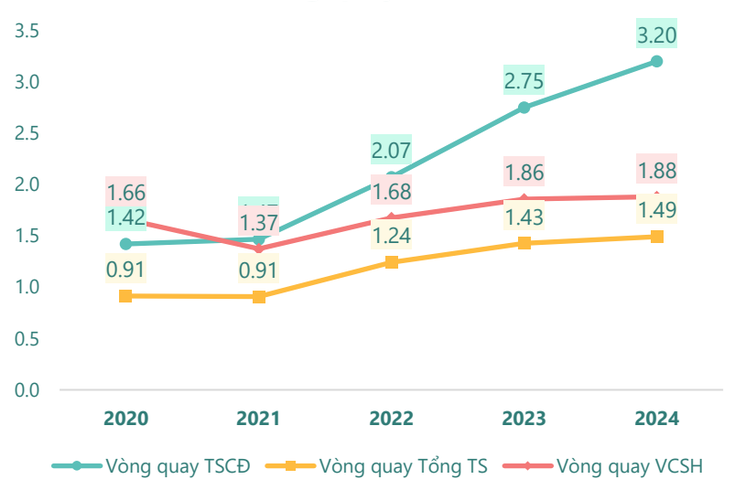
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



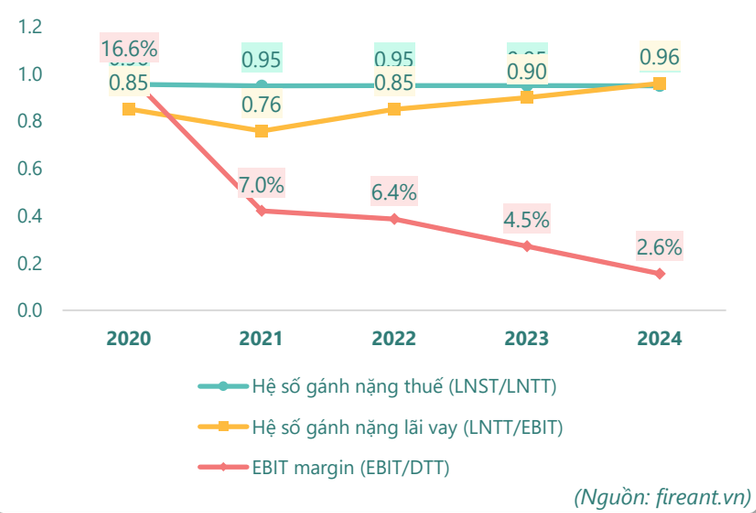
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



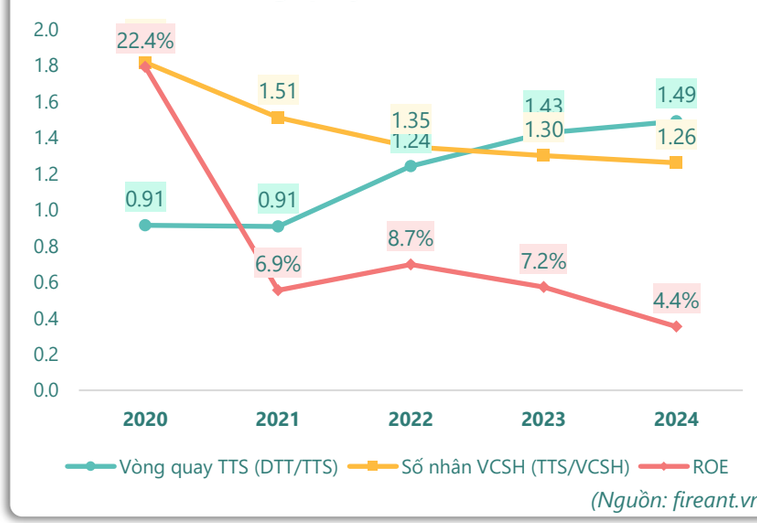
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



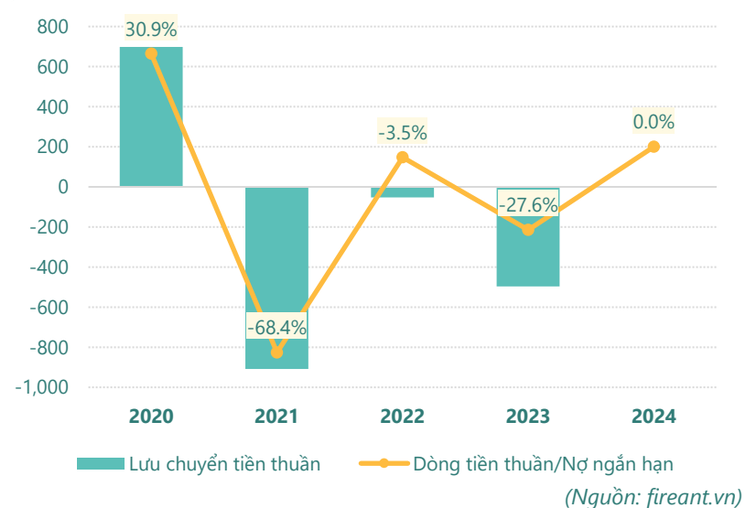
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,041**	**2,365**	**-13.7%**	**7,670**	**8,605**	**-10.9%**
Giá vốn hàng bán	2,042	2,347	-13.0%	7,168	8,057	-11.0%
Lợi nhuận gộp	-1.01	17.5	-106%	502	549	-8.5%
Doanh thu HĐTC	2.88	0.06	4702%	3.10	0.39	696%
Chi phí TC	0	2.42	-100%	2.86	28.4	-89.9%
Chi phí lãi vay	0	2.42	-100%	2.86	11.5	-75.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**16.8**	**23.8**	**-29.4%**	**64.0**	**75.8**	**-15.6%**
LN thuần từ HĐKD	-14.9	-8.69	-71.7%	438	445	-1.4%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**-0.46**	**73.1%**	**-0.23**	**0.06**	**-491%**
LN trước thuế	-15.0	-9.15	-64.5%	438	445	-1.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.0**	**-9.15**	**-64.5%**	**393**	**422**	**-6.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-15.0**	**-9.15**	**-64.5%**	**393**	**422**	**-6.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	227	433	170	99.8	23.0	787
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.5	-1.32	-46.3	-1.56	13.5	-58.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-244	-435	-120	-104	-45.5	-44.5
Tiền đầu kỳ	22.8	17.8	14.0	18.2	12.1	3.11
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.99**	**-3.86**	**4.19**	**-6.08**	**-8.96**	**684**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.8	14.0	18.2	12.1	3.11	687

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,605**	**6,980**	**-5.4%**
Tài sản ngắn hạn	3,500	3,541	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	687	18.2	3684%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	15.0	300%
Phải thu ngắn hạn	1,921	2,554	-24.8%
Hàng tồn kho	657	806	-18.4%
Tài sản ngắn hạn khác	174	148	17.6%
Tài sản dài hạn	**3,105**	**3,440**	**-9.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,832	3,192	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	54.0	44.6	21.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**218**	**202**	**8.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	574	1,257	-54.3%
Nợ ngắn hạn	**569**	**1,251**	**-54.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	455	954	-52.3%
Nợ dài hạn	5.81	6.01	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,031**	**5,723**	**5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**6,031**	**5,723**	**5.4%**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)